

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 141 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-04-2025

Về việc: “Yêu cầu không công nhận vợ chồng...” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Đặng Văn Thái

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-VKSND huyện T tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Thơ – Kiểm sát viên .

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc: “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025; của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lâm Thị T1, sinh năm 1970, có mặt

Địa chỉ: Thôn T2, xã Ph, huyện T , tỉnh Bình Định.

Bị đơn **Phan Đình Q**, sinh năm 1966 có mặt

Địa chỉ: Thôn T2, xã Ph, huyện T , tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn bà Lâm Thị T1 trình bày: Giữa bà với ông Phan Đình Q do mai mối nên được gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống từ tháng 6 năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2024 thì vợ chồng bà mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà ở nhà nuôi mẹ chồng bị đau, không đi làm được, thì chồng bà gây sự đánh bà. Trong cuộc sống vợ chồng thì chồng bà có ham muốn nhưng không làm được gì nên ông tỏ ra bức tức, nghi ngờ, ghen tuông, bà nói thì ông Q đánh bà. Bà T1 không chịu đựng nổi nên bà đã dời ra nhà nhỏ bên cạnh để sống riêng. Nhiều đêm ông Q qua đập cửa, bà không mở thì ông Q chửi bới. Mặc dù chồng bà thường xuyên đánh bà nhưng bà T1 không báo chính quyền địa phương. Bản thân bà đã bàn bạc với các

con thì các con bà thống nhất ly hôn. Do vậy bà T1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T1 yêu cầu Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Phan Đình Q là vợ chồng.

Về con chung: Giữa bà với ông Q có 04 con chung tên là Phan Lâm N, sinh ngày 29/10/1988, Phan Thị Thanh D, sinh ngày 07/12/1990, Phan Lâm Quốc V, sinh ngày 01/01/2002, Phan Thị Thanh T4, sinh ngày 13/8/2004, hiện các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra bà T1 không khai và không yêu cầu gì khác..

*Tại các bản khai và tại phiên tòa bị đơn ông **Phan Đình Q trình bày:*** Giữa ông với bà Lâm Thị T1 do mai mối nên được gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống từ tháng 6 năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2024 thì vợ chồng ông mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ ông ở nhà ngoại tình, vì vợ ông nghe điện thoại với bồ cũ, sau đó ông có khuyên can, không nên dây dưa với người cũ, nhưng bà T1 vẫn không nghe. Đến khi người yêu của anh bồ cũ của vợ ông xuống nhà ông quây phá, la lối lúc ông không có ở nhà, bà con nói lại thì ông mới biết. Sau đó con cái khuyên bỏ đi nhưng vợ ông vẫn không nghe. Do vậy vợ ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Lâm Thị T1 là vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 04 con chung tên là Phan Lâm N, sinh ngày 29/10/1988, Phan Thị Thanh D, sinh ngày 07/12/1990, Phan Lâm Quốc V, sinh ngày 01/01/2002, Phan Thị Thanh T4, sinh ngày 13/8/2004, hiện các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra ông Q không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của bà T1 không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị T1 với ông Phan Đình Q là vợ chồng. Về quan hệ nuôi con chung: Bà T1 và ông Q có 04 con chung tên là Phan Lâm N, sinh ngày 29/10/1988, Phan Thị Thanh D, sinh ngày 07/12/1990, Phan Lâm Quốc V, sinh ngày 01/01/2002, Phan Thị Thanh T4, sinh ngày 13/8/2004, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Bà T1 và ông Q tự giải quyết tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lâm Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Phan Đình Q là vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Phan Đình Q cư trú tại Thôn T2, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu của bà Lâm Thị T1 về việc không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Phan Đình Q là vợ chồng thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Lâm Thị T1 và ông Phan Đình Q do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 7 năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Theo bà T1 và ông Q khai trong thời gian sống chung ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên kiên quyết không đoàn tụ. Qua xác minh tại UBND xã Ph không có căn cứ bà T1 với ông Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã, mối quan hệ giữa ông bà không được thực hiện đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền vì vậy Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của bà T1 đề nghị Tòa không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà T1 với ông Q là vợ chồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Bà T1 và ông Q có 04 con chung tên là Phan Lâm N, sinh ngày 29/10/1988, Phan Thị Thanh D, sinh ngày 07/12/1990, Phan Lâm Quốc V, sinh ngày 01/01/2002, Phan Thị Thanh T4, sinh ngày 13/8/2004, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 và ông Q tự giải quyết tài sản chung, không có nợ không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị T1 và ông Phan Đình Q là vợ chồng.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: BàT1 và ông Q có 04 con chung tên là Phan Lâm N, sinh ngày 29/10/1988, Phan Thị Thanh D, sinh ngày 07/12/1990, Phan Lâm Quốc V, sinh ngày 01/01/2002, Phan Thị Thanh T4, sinh ngày 13/8/2004, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc bàT1 phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí bàT1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003117, ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/04/2025).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã Ph
- Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền Đặng Văn Thái

Trần Thị Bích Thủy

